**BÀI ÔN TẬP MÔN HÓA HỌC KHỐI 10 TỪ 06/4/2020 ĐẾN 11/4/2020**

**NỘI DUNG PHẦN : OXI – LƯU HUỲNH ( Đề Số 1)**

**Câu 1**. Vị trí của Oxi trong bảng HTTH là

A. Ô thứ 8, chu kì 3, nhóm VIA C. Ô thứ 8, chu kì 2, nhóm VIA

B. Ô thứ 16, chu kì 3, nhóm VIA D. Ô thứ 16, chu kì 2, nhóm VIA

**Câu 2.** Chọn câu trả lời **sai** về lưu huỳnh:

 A. S là chất rắn màu vàng                                 B. S không tan trong nước

 C. S dẫn điện, dẫn nhiệt kém                             D. S không tan trong các dung môi hữu cơ

**Câu3.** Cấu hình electron của lưu huỳnh (Z=16) là?

**A.** 1s2 2s2 2p6 3s2 3p4 B. 1s2 2s2 2p6 3s1 3p5

C. 1s2 2s2 2p6 3s2 3p5 D. 1s2 2s2 2p6 3s3 3p3

**Câu 4.**Số oxi hóa cao nhất có thể có của lưu hùynh trong các hợp chất là?

A. +4. B. +5. **C. +6.**  D. + 8.

**Câu 5.** Trong các hợp chất hoá học số oxi hoá thường gặp của lưu huỳnh là:

A. 1,4,6 B. -2,0,+2,+4,+6 C.-2,0,+4,+6                  D. kết quả khác

**Câu 6**. Trong hợp chất nào nguyên tố S không thể hiện tính oxh?

A. Na2SO4 B. SO2 C. Na2S D. H2SO4

**Câu 7.** Cho phản ứng Fe + S 🡪 FeS. Lượng S cần phản ứng hết với 28(g) sắt là

A. 1(g) B. 8(g) C. 16(g) D. 6,4(g)

(S=32, Fe=56, Al=27, Cu=64)

**Câu 8.** Chọn câu ***sai.***

1. Lưu huỳnh tà phương và lưu huỳnh đơn tà là 2 dạng thù hình của lưu huỳnh.
2. Hai dạng thù hình của lưu huỳnh chỉ khác nhau về cấu tạo tinh thể còn tính chất vật lí là giống nhau.
3. Hai dạng thù hình của lưu huỳnh chỉ khác nhau về cấu tạo tinh thể còn tính chất hoá học là giống nhau.
4. Ở nhiệt độ phòng, phân tử lưu huỳnh tồn tại ở dạng S8.

**Câu 9.** Số oxi hóa của S trong một loại hợp chất oleum H2S2O7 (H2SO4.SO3):

1. +2 B. +4 C. + 6 D. +8

**Câu 10.**Tính chất hóa học đặc trưng của S là?

A.Tính khử C. Tính oxi hoá

B.Không tham gia phản ứng. D. A và C

**Câu 11**. Lưu huỳnh sôi ở 4500C, ở nhiệt độ nào lưu huỳnh tồn tại dưới dạng phân tử đơn nguyên tử?

A. ≥ 4500C         B. ≥ 14000C.               C. ≥ 17000C   D.ở nhiệt độ phòng

**Câu 12.** Số oxi hóa của S trong một loại hợp chất oleum H2S3O10 (H2SO4.2SO3):

1. +2 B. +4 C. + 6 D. +8

**Câu 13.** Đốt 5 gam lưu huỳnh trong bình chứa 6,4 gam oxi, thu được **m** gam SO2. Giá trị của **m** là

A. 5. B. 5,7. C. 10. D. 11,4.

**Câu 14.** Phương pháp đơn giản để thu hồi thuỷ ngân rơi vãi xuống rãnh bàn là dùng?

1. H2SO4. B. Bột S. C. AgNO3. D. khí Cl2.

**Câu 15.** Cho các chất sau: Fe, HNO3, H2SO4 loãng, HCl, H2SO4 đặc, CO2, O3, Ag. Dãy gồm các chất phản ứng được với S là?

A. Fe, HNO3, H2SO4 đặc, O3.

B. Ag, HNO3, H2SO4 loãng, H2SO4đặc.

C. Fe, Ag, CO2, H2SO4 đặc .

D. HCl, CO2, O3, Ag.

**Câu 16.** Lưu huỳnh thể hiện tính oxi hóa khi tác dụng với chất nào dưới đây:

1. O2 B. Al B. H2SO4 đặc D. F2

**Câu 17**. Một hợp chất có thành phần theo khối lượng 35,96% S; 62,92% O và 1,12% H. Hợp chất này có công thức hóa học:

A. H2SO3 B. H2SO4 C. H2S2O7 D. H2S2O8

**Câu 18**. Ion X2- có cấu hình electron lớp ngoài cùng là 3s23p6 . X là nguyên tố nào trong bảng hệ thống tuần hoàn?

A. Oxi              B. Lưu huỳnh                C.Selen             D.Telu

**Câu 19.** Dãy gồm các chất đều tác dụng (trong điều kiện phản ứng thích hợp) với lưu huỳnh là

**A.** Hg, O2, HCl. **B.** H2, Pt, KClO3. **C.** Na, He, Br2. **D.** Zn, O2, F2.

**Câu 20.** Tìm câu sai trong các câu sau:

A. S tác dụng với kim loại thể hiện tính oxi hóa.

B. S tác dụng với phi kim thể hiện tính khử.

C. S tác dụng với H2 thể hiện tính khử.

D. S không chỉ tác dụng với đơn chất mà còn tác dụng với hợp chất.

**Câu 21**.Cho một ít bột lưu huỳnh vào ống nghiệm chứa dd HNO3 đặc đun nhẹ. Hiện tượng thu được là?

A.Lưu huỳnh tan có khí không màu thoát ra mùi xốc.

B. Lưu huỳnh tan có khí màu nâu mùi xốc thoát ra.

C. Lưu huỳnh không phản ứng.

D.Lưu huỳnh nóng chảy và bay hơi có màu vàng.

**Câu 22**.Chỉ ra câu trả lời **không đúng** về khả năng phản ứng của S:

A. S vừa có tính oxi hoá vừa có tính khử.

B. Hg phản ứng với S ngay nhiệt độ thường.

C. Ở nhiệt độ thích hợp, S tác dụng với hầu hết các phi kim và thể hiện tính oxi hóa.

D. Ở nhiệt độ cao, S tác dụng với nhiều kim loại và thể hiện tính oxi hoá.

**Câu 23.** Nung 28g Fe với 16g S ở nhiệt độ cao trong điều kiện không có không khí, thu được hỗn hợp chất rắn X. Cho X vào dd HCl dư thu được hỗn hợp khí Y. Tỉ khối của Y đối với H2 là 10,6. Hiệu suất của phản ứng giữa Fe với S là

**A.** 70% **B.** 50% **C.** 80% **D.** 60%

**Câu 24.** Thể tích khí lưu huỳnh đioxit (SO2) thu được ở điều kiện tiêu chuẩn, khi đốt 18 gam lưu huỳnh trong oxi (vừa đủ) là: (S=32)

A**.** 8,4 lít B**.** 12,6 lít C**.** 24,0 lít D**.** 4,2 lít

**Câu 25.** Chất **không** phản ứng với O2 là:

A. SO3 B. P C. Ca D. C2H5OH

**Câu 26.**  Dãy nào gồm những chất vừa có tính oxi hoá, vừa có tính khử là:

A. H2S, SO2 và O2 B. I2, S và SO2 C. F2, Br2 và O3 D. S; SO2 và SO3

**Câu 27.** Cho sơ đồ phản ứng: S + H2SO4 đ 🡒 X + H2O. X là:

A. SO­2 B. H2S C. H2SO­3 D. SO­3

**Câu 28**. Anion X2- có cấu hình electron lớp ngoài cùng 2s22p6.X là nguyên tố

A.S B.F C.O D.Cl

**Câu 29**.Cho sản phẩm tạo thành khi đun nóng hỗn hợp gồm 16,8 g Fe và 8 g S vào dung dịch H2SO4 loãng dư thu dd A và hh khí B. % V các khí trong B là:

A.83,33%, 16,67% B.20%, 80% C.33,33%, 66,675% D. Kết quả

**Câu 30.**Cho 4,6g Na kim loại tác dụng với một phi kim tạo muối và phi kim trong hợp chất có số oxi hóa là-2 ,ta thu được 7,8g muối ,phi kim đó là :

A . Clo B. Flo C**.** Lưu huỳnh D. Oxi

**Câu 31.** Nung 11,2 gam Fe và 26 gam Zn với một lượng S dư. Sản phẩm của phản ứng cho tan hoàn toàn trong dung dịch H2SO4 loãng, toàn bộ khí sinh ra được dẫn vào dung dịch CuSO4 10% (d = 1,2 gam/ml). Biết các phản ứng xảy ra hoàn toàn.Thể tích tối thiểu của dung dịch CuSO4 cần để hấp thụ hết khí sinh ra là

A. 700 ml                         B. 800 ml                    C. 600 ml                   D. 500 ml

**Câu 32.** Nung nóng hỗn hợp bột gồm 1,5 mol Fe và 1 mol S trong môi trường không có không khí đến khi phản ứng xảy ra hoàn toàn, thu được chất rắn X. X tác dụng với dung dịch HCl thu được khí Y. Thành phần của Y là

**A.** H2 **B.** H2S và H2 **C.** H2S **D.** H2S và SO2

**Câu 33.** Cho 13 gam kẽm tác dụng với 3,2 gam lưu huỳnh sản phẩm thu được sau phản ứng là:

A.ZnS B.ZnS và S C.ZnS và Zn D.ZnS, Zn và S.

**Câu 34.** Kim loại nào sau đây tác dụng với lưu huỳnh ở nhiệt độ thường.

A. Al B. Fe C. Hg D. Cu

**Câu 35.** Cho phương trình phản ứng: S + 2H2SO4 đặc, nóng  3SO2 + 2H2O

Trong phản ứng trên, tỉ lệ giữa số nguyên tử lưu huỳnh bị khử và số nguyên tử lưu huỳnh bị oxi hóa là :

A. 1 : 2 B. 1 : 3 C. 3 : 1 D. 2 : 1

**Câu 36.** Khí  **không**  thu được bằng phương pháp «dời chỗ nước»  là :

A. O2  B. HCl C. N2 D. H2

**Câu 37***.* Với số mol lấy bằng nhau, phương trình hoá học nào dưới đây điều chế được nhiều oxi hơn

A. 2 KClO32KCl +3O2 B. 2 KMnO4K2MnO4 + MnO2 + O2

C. 2HgO 2Hg + O2 D. 2KNO32KNO2 + O2

**Câu 38.** Tỉ khối của 1 hỗn hợp gồm Oxi và Ozon đối với He bằng 10,4. Thành phần phần trăm về thể tích của Oxi và Ozon là:

A. 25% và 75% B 60% và 40% C. 40% và 60% D. 75% và 25%

**Câu 39.** Phản ứng **không** xảy ra là

A. 2Mg + O22MgO B. C2H5OH + 3O2 2CO2 + 3H2O

C. 2Cl2 + 7O2 2Cl2O7  D. 4P + 5O­2 2P2O5

**Câu 40.** Ở điều kiện thường, để so sánh tính oxi hóa của oxi và ozon ta có thể dùng

A. Ag B. Hg C. S D. KI

**Câu 41.** Nhiệt phân hoàn toàn 3,634 gam KMnO4, thể tích O2 thu được là (K = 39, Mn = 55, O = 16)

A. 224 ml B. 257,6 ml C. 515,2 ml D. 448 ml

**Câu 42.** Nguyên tố lưu huỳnh có Z = 16. Công thức oxit cao nhất của lưu huỳnh là

A. S2O5 B. SO C. SO2 D. SO3

**Câu 43.** Đốt cháy hoàn toàn mg cacbon trong V lít khí oxi dư (đktc), thu được hỗn hợp khí X có tỉ khối đối với oxi là 1,25. Thành phần % theo thể tích của CO2 trong hỗn hợp X là:

A. 6,67 % B.66,67 % C. 33,33 % D. 3,33 %

**Câu 44**. Hỗn hợp A gồm O2, O3.Sau một thời gian phân hủy hết O3 thu được 1 khí duy nhất có thể tích tăng thêm 7,5%. %VO3 trong hh A là:

A.7,5% B.15% C.85% D.Kết quả khác

**Câu 45.** Trộn 5,6 gam bột sắt với 2,4 gam bột lưu huỳnh rồi nung nóng (trong điều kiện không có không khí), thu được hỗn hợp rắn M. Cho M tác dụng với lượng dư dung dịch HCl, giải phóng hỗn hợp khí X và c̣òn lại một phần không tan G. Để đốt cháy hoàn toàn X và G cần vừa đủ V lít khí O2 (ở đktc). Giá trị của V là

**A.** 2,80.                        **B.** 3,36.                        **C.** 3,08.                        **D.** 4,48.

**Câu 46.** Đốt cháy hoàn toàn 1,2 gam một muối sunfat của kim loại (toàn bộ S có trong muối chuyển thành khí SO2) Dẫn khí thu được sau phản ứng đi qua dung dịch nước Br2 dư sau đó thêm tiếp dung dịch BaCl2 dư thu được 4,66 kết tủa. Thành phần phần trăm của lưu huỳnh trong muối sunfat là bao nhiêu?

A.36,33%                    B.46,67%                   C.53,33%                D. 26,66%